Sign In

BỘ XÂY DỰNG
Số: 12/2001/QĐ-BXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành định mức chi phí thiết kế công trình xây dựng

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/03/1993 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, Cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 04/3/1994 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/05/2000 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Kinh tế Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này "Định mức chi phí thiết kế công trình xây dựng".

Điều 2: Quyết định này thay thế cho Quyết định số 01/2000/QĐ-BXD ngày 03 tháng 01 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành "Định mức chi phí thiết kế công trình xây dựng" và có hiệu lực thi hành thống nhất trong cả nước kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2001.

Điều 3: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, ủy ban nhân dân các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Kiểm

ĐỊNH MỨC
CHI PHÍ THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2001/QĐ-BXD ngày 20 tháng 7 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Phần 1:
QUY ĐỊNH CHUNG VÀ HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG

1. Định mức chi phí thiết kế công trình xây dựng (sau đây gọi tắt là định mức chi phí thiết kế) trong văn bản này là căn cứ để xác định chi phí thiết kế công trình xây dựng và chi phí thiết kế này được tính trong tổng dự toán công trình:

2. Đối tượng và phạm vi áp dụng định mức chi phí thiết kế:

2.1. Đối tượng áp dụng:

- Công trình xây dựng theo dự án, hoặc tiểu dự án, hoặc dự án thành phần;
- Hạng mục công trình (quy định cụ thể tại điểm 9 trong văn bản này).

2.2. Phạm vi áp dụng: Các dự án đầu tư bằng các nguồn vốn sau:

- Vốn ngân sách nhà nước;
- Vốn tín dụng do nhà nước bảo lãnh;
- Vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước;
- Vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước.

2.3. Chi phí thiết kế công trình thuộc các dự án đầu tư bằng các nguồn vốn khác (không quy định tại điểm 2.2) thì do các bên giao nhận thầu thiết kế thỏa thuận trên cơ sở định mức chi phí thiết kế quy định trong văn bản này. Chi phí thiết kế công trình thuộc các dự án đầu tư bằng 100% vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (theo

Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam) do các bên giao, nhận thầu thiết kế thỏa thuận theo thông lệ quốc tế.

3. Nội dung của định mức chi phí thiết kế:

3.1. Định mức chi phí thiết kế bao gồm các chi phí để hoàn thành toàn bộ công việc và sản phẩm thiết kế công trình xây dựng (không gồm thiết kế sơ bộ). Chi tiết về trình tự, bước công việc và sản phẩm thiết kế được nêu tại văn bản về quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng của Bộ Xây dựng và các văn bản quy định về thiết kế các công trình xây dựng chuyên ngành (giao thông, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, đường dây và trạm điện, thông tin bưu điện ……) của các Bộ và cơ quan ngang Bộ có xây dựng chuyên ngành này.

Khái quát về công việc và sản phẩm thiết kế nói trên theo từng cách phân chia là:

a) Theo trình tự thiết kế thì công việc và sản phẩm thiết kế, gồm:

- Thiết kế kỹ thuật, thuyết minh, tổng dự toán công trình;
- Thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán công trình;
- Giám sát tác giả.

b) Theo nội dung thiết kế, thì công việc và sản phẩm thiết kế gồm:

- Thiết kế công nghệ (sản xuất hoặc sử dụng), gồm: giải pháp công nghệ (sản xuất hoặc sử dụng); thiết kế dây chuyền sản xuất (sử dụng), lắp đặt thiết bị; thiết kế hệ thống theo dây chuyền sản xuất như: cấp nhiệt, điện, hơi, thông gió, an toàn sản xuất, phòng cháy nổ, độc hại, ……..
- Thiết kế xây dựng công trình (thiết kế kiến trúc và xây dựng) gồm: giải pháp kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật xây dựng; thiết kế bên trong công trình; thiết kế bên ngoài công trình (cây xanh, sân, vỉa hè…..); thiết kế hệ thống kỹ thuật: cấp nhiệt, điện, hơi, dầu, thấp thoát nước, thông gió, điều hòa không khí, chiếu sáng, âm thanh, thông tin, tín hiệu, phòng chống cháy nổ, …..

Tỷ trọng chi phí trong định mức chi phí thiết kế để thực hiện từng phần việc nêu trong quy định trong phần II của văn bản này. Thực hiện thiết kế phần việc nào thì được phí thiết kế cho phần việc đó theo đúng tỷ trọng quy định,

3.2. Định mức chi phí thiết kế được quy định theo 5 nhóm và loại công trình phù hợp với mức độ phức tạp về kỹ, mỹ thuật theo yêu cầu thiết kế công trình, cụ thể:

- Nhóm I: Công trình công nghiệp
- Nhóm II: Công trình cấp thoát nước, tuyến ống dẫn dầu, tuyến cáp thông tin, đường dây tải điện;
- Nhóm III: Công trình nông nghiệp, thủy lợi.
- Nhóm IV: Công trình giao thông
- Nhóm V: Công trình dân dụng.

Chi tiết của từng nhóm công trình được nêu trong phần II của văn bản này.

3.3. Định mức chi phí thiết kế được xác định bằng tỷ lệ % của giá trị dự toán xây lắp có thuế giá trị gia tăng trong tổng dự toán (hoặc dự toán) được duyệt.

Đối với một số công trình có đặc điểm riêng thì định mức chi phí thiết kế được xây dựng theo hướng dẫn tại phần II của văn bản này.

3.4. Chi phí tính trong định mức chi phí thiết kế bao gồm: chi phí vật liệu, chi phí thi công; chi phí máy móc thiết bị; chi phí quản lý; chi phí đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và thu nhập chịu thuế tính trước.

Ngoài ra, chi phí mua bảo hiểm sản phẩm thiết kế (theo quy định tại điều và Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ) được tính bổ sung bằng với chi phí thiết kế tính theo định mức nói trên.

4. Thiết kế sơ bộ công trình xây dựng là một công việc trong lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo đầu tư của dự án (hoặc tiểu dự án, dự án thành phần). Chi phí thiết kế nằm ngoài định mức chi phí thiết kế quy định trong văn bản này.

Chi phí thiết kế sơ bộ được tính trong định mức chi phí lập báo cáo nghiên cứu hoặc báo cáo đầu tư và được quy định trong văn bản “Định mức chi phí tư vấn đầu tư xây dựng” của Bộ Xây dựng.

5. Trong định mức chi phí thiết kế chưa bao gồm các chi phí để thực hiện các công việc sau:

- Đo đạc, đánh giá hiện trạng công trình để phục vụ thiết kế sửa chữa, cải tạo, nâng cấp;

- Khảo sát xây dựng phục vụ thiết kế;

- Thiết kế chế tạo thiết bị;

- Đưa tim, mốc thiết kế công trình, hạng mục công trình ra thực địa;

- Làm mô hình công trình, hạng mục công trình;

- Thẩm định thiết kế kỹ thuật, thẩm định tổng dự toán công trình;

- Công việc khác ……

6. Định mức chi phí thiết kế công trình sửa chữa, cải tạo, mở rộng được quy định chung như sau:

6.1. Về trị số định mức:

Tính bằng định mức chi phí thiết kế nhân với hệ số điều chỉnh (k) tương ứng dưới đây:

a. Thiết kế sửa chữa, cải tạo công trình; chia ra các trường hợp sau:

- Thiết kế sửa chữa, cải tạo không thay đổi kết cấu chịu lực của công trình hoặc hạng mục công trình: k = 1,10.

- Thiết kế sửa chữa, cải tạo có thay đổi kết cấu chịu lực của công trình hoặc hạng mục công trình: k = 1,20.

- Thiết kế sửa chữa, cải tạo có thay đổi kết cấu chịu lực và móng công trình hoặc hạng mục công trình: k = 1,30.

b. Thiết kế công trình mở rộng: k = 1,00 (được tính như thiết kế công trình mới).

6.2. Về quy mô giá trị dự toán xây lắp để xác định trị số định mức:

Tính theo quy mô giá trị dự toán xây lắp sửa chữa, cải tạo hoặc mở rộng của công trình hoặc hạng mục công trình trong tổng dự toán (hoặc dự toán) được duyệt.

Riêng một số công trình đặc thù, theo quy định tại phần II của văn bản này. Khi áp dụng hệ số đặc thù (quy định tại phần II của văn bản này) thì không được áp dụng hệ số chung ở mục 6.1 nói trên.

7. Định mức chi phí thiết kế công trình có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 10 tỷ đồng xây dựng ở vùng sâu, vùng xa được điều chỉnh với hệ số k = 1,5 và xây dựng ở hải đảo được điều chỉnh với hệ số k = 1,2. Không áp dụng quy định này đối với các công trình hạ tầng thuộc chương trình xây dựng trung tâm cụm xã miền núi, vùng cao.